

UBND HUYỆN QUẢNG ĐIỀN

THUYẾT MINH TÓM TẮT

**ĐỀ ÁN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN ĐÔ THỊ MỚI THANH HÀ,
HUYỆN QUẢNG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
ĐẠT TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI V**

Đơn vị tư vấn:

CÔNG TY CỔ PHẦN H.U.E GROUP

Đc: 3/148 Nguyễn Huệ, Phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điện thoại/fax (84) 0234 3898185 – 0234 3935178

Email: Huegroup2020.jsc@gmail.com

Phần I: MỞ ĐẦU

I. Căn cứ pháp lý

Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Nghị quyết 54-NQ/TW ngày 12/10/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045;

Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030;

Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 17/4/2020 của Tỉnh ủy tại Hội nghị Tỉnh ủy (Khóa XV) phiên bất thường họp ngày 16/4/2020 thông qua Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 08/5/2020 của HĐND tỉnh về việc thông qua Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 30/3/2015 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Quy hoạch chung đô thị mới Thanh Hà, xã Quảng Thành, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030;

Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quảng Điền đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 2165/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Đề cương Đề án đề nghị công nhận đô thị mới Thanh Hà, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế đạt tiêu chuẩn đô thị loại V;

Nghị quyết số 05-NQ/HU ngày 08/12/2021 của Hội nghị lần thứ sáu, Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa XIV, nhiệm kỳ 2021-2025 về Xây dựng, phát triển xã Quảng Thành đạt tiêu chí đô thị loại V giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

II. Lý do và sự cần thiết

Trong những năm qua, nhờ sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị và sự đồng lòng của nhân dân toàn xã nên việc thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã đã có kết quả đáng tự hào, cụ thể là xã đã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới và đang tiếp tục thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, đã tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ, thay đổi về chất đối với khu vực nông thôn của xã, đây là tiền đề thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa quá trình đô thị hóa ở khu vực nông thôn, từng bước rút ngắn khoảng

cách nông thôn và thành thị theo các tiêu chí phân loại về đô thị.

Đô thị Thanh Hà trong tương lai được quy hoạch trên cơ sở toàn bộ ranh giới hành chính xã Quảng Thành, có diện tích 10,7881 km², chiếm 6,63% diện tích toàn huyện, dân số (đánh giá đến 31/12/2021) khoảng 12.648 người. Đây là địa bàn quần tụ dân cư từ rất sớm, là xã thuần nông của huyện Quảng Điền, đời sống cư dân chủ yếu là kinh tế nông nghiệp. Người dân ở đây cần cù, chịu khó và có khả năng tiếp nhận và ứng dụng khá tốt các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng và vật nuôi. Quảng Thành là nơi có nhiều địa danh nổi tiếng (thành Hóa Châu, chùa Thành Trung, chợ Tây Ba, ...), là vùng đất gắn bó với thành Hóa Châu xưa.

Quy hoạch chung đô thị mới Thanh Hà đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 30/3/2015 đã khẳng định Thanh Hà (xã Quảng Thành) là đô thị dự kiến hình thành trong tương lai, được đầu tư xây dựng theo tiêu chí đô thị loại V và trở thành thị trấn trung tâm tiểu vùng khu vực phía Nam của huyện, là đô thị sinh thái, dịch vụ của huyện.

Quá trình xây dựng và phát triển đô thị, xã Quảng Thành đã thực sự chuyển mình, đạt những thành tựu trong tất cả các mặt. Đến nay, cơ bản đã hội tụ các điều kiện để hình thành đô thị. Do đó, việc xây dựng và phát triển đô thị Thanh Hà (xã Quảng Thành) là sự phản ánh đầy đủ vị thế, thực tiễn phát triển, phù hợp với các định hướng, chủ trương của tỉnh, của huyện, là tâm huyết của Đảng bộ, chính quyền và các tầng lớp nhân dân xã Quảng Thành sau nhiều năm nỗ lực phấn đấu.

Thực hiện Nghị quyết 54-NQ/TW ngày 12/10/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030, để cụ thể hóa Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, đồng thời, nhằm đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Quảng Điền nói chung và xã Quảng Thành nói riêng, sớm tận dụng các tiềm năng và thế mạnh của địa phương, cụ thể hóa đề án Quy hoạch chung đô thị mới Thanh Hà, huyện Quảng Điền đến năm 2030, theo đó, định hướng Thanh Hà (Quảng Thành) là thị trấn trung tâm tiểu vùng thuộc huyện Quảng Điền.

Hiện nay, toàn tỉnh đang quyết tâm thi đua đẩy mạnh thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội để hướng đến xây dựng toàn tỉnh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương theo Nghị quyết 54-NQ/TW của Bộ Chính trị. Đối với huyện Quảng Điền, toàn huyện đang thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2020-2025 và Quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt, theo đó, định hướng phát triển đô thị Quảng Điền đã được xác định rõ nét. Vì vậy, trong thời gian tới, việc xây dựng Đề án, huy động nguồn lực, xác định các nhiệm vụ, giải pháp để xây dựng và phát triển xã Quảng Thành thành đô thị là cần thiết, là cơ sở quan trọng để các ngành, địa phương có căn cứ triển khai thực hiện.

Phần II:
TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ
(đến 31/12/2021)

Trong những năm qua, toàn huyện cùng với xã Quảng Thành đã tập trung chỉ đạo, huy động tối đa nhiều nguồn lực nhằm đẩy mạnh Chương trình xây dựng nông thôn mới và Chương trình chỉnh trang và phát triển đô thị, do đó, diện mạo đô thị Thanh Hà ngày càng khang trang, các chỉ tiêu về đô thị ngày càng được hoàn thiện, cụ thể như sau:

Theo các tiêu chí phân loại đô thị tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, tổng hợp đánh giá hiện trạng đô thị Thanh Hà (đến 31/12/2021) theo các tiêu chí, cụ thể như sau:

- **Tiêu chí 1:** Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội: **18,25/20 điểm;**
- **Tiêu chí 2:** Quy mô dân số đô thị: **6,32/8 điểm;**
- **Tiêu chí 3:** Mật độ dân số: **4,5/6 điểm;**
- **Tiêu chí 4:** Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp **6/6 điểm;**
- **Tiêu chí 5:** Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị **45,5/60 điểm.**

- Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực ngoại thành, ngoại thị: Đô thị loại V không có khu vực ngoại thành, ngoại thị nên nhóm tiêu chuẩn này **đạt 12 điểm.**

Tổng điểm các tiêu chí đạt **80,57 điểm**, đã đạt tiêu chuẩn loại đô thị loại V, cụ thể như sau: (có Phụ lục 1 kèm theo).

Phần III:
QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ MỚI THANH HÀ
GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030.

I. Quan điểm

- Xây dựng và phát triển đô thị mới Thanh Hà phải nằm trong phát triển tổng thể của huyện giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 trên cơ sở Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện khóa XIV, Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quảng Điền đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Nghị quyết 54 của Bộ Chính trị và các nghị quyết, chương trình, quy hoạch liên quan của huyện, của tỉnh.

- Phải theo quy hoạch với lộ trình và bước đi phù hợp với nguồn lực, tập trung ở vùng lõi trung tâm xã để kết nối và từng bước lan tỏa dần đến toàn xã nhằm đẩy nhanh tốc độ thị hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động,

nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; đồng thời quá trình xây dựng và phát triển đô thị Quảng Thành cần gắn kết chặt chẽ với xây dựng xã nông thôn mới nâng cao.

- Phải bảo đảm tính bền vững, phù hợp với điều kiện tự nhiên của vùng, khai thác, phát huy hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của địa phương tiếp giáp với Thành phố Huế. Gắn quá trình xây dựng và phát triển đô thị với công tác bảo vệ cảnh quan môi trường, sinh thái; tôn tạo và bảo vệ các di tích lịch sử, văn hoá, truyền thống cách mạng để khai thác, phát triển du lịch bền vững; tăng cường quốc phòng, an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội tại địa phương, nhằm tạo động lực thúc đẩy sự phát triển của xã, vùng phụ cận và của huyện.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, phù hợp, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư, kinh doanh của mọi thành phần kinh tế, nhất là khu vực kinh tế tư nhân cho phát triển hạ tầng giao thông, đô thị và những ngành, lĩnh vực kinh tế có tiềm năng, lợi thế. Tập trung ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng đô thị ở khu vực trung tâm, hệ thống giao thông kết nối giữa các vùng, hạ tầng phát triển sản xuất, hạ tầng đô thị theo tiêu chí đô thị loại V.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên, hiệu lực hiệu quả quản lý của chính quyền các cấp, xây dựng và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân trong xây dựng và phát triển xã Quảng Thành đạt đô thị loại V.

II. Mục tiêu, chỉ tiêu

1. Mục tiêu

Xây dựng và phát triển đô thị mới Thanh Hà là trung tâm tiểu vùng, cửa ngõ phía Nam của huyện, là đầu mối giao thương, kết nối phát triển với Thành phố Huế mở rộng; có kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu; là trung tâm nông nghiệp công nghệ cao của huyện; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao; quốc phòng, an ninh vững mạnh, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

2. Một số chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025

- Cơ cấu kinh tế: thương mại - dịch vụ trên 43%, tiểu thủ công nghiệp-xây dựng trên 39%, nông-ngư nghiệp dưới 18%.

- Thu nhập bình quân đầu người trên 60 triệu đồng/người/năm.

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp qua đào tạo nghề đạt 65%, lao động có việc làm đạt 98%.

- 100% trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, có 02 trường tiểu học tổ chức bán trú cho học sinh.

- 90 % các tuyến đường chính được chiếu sáng bằng đèn cao áp; 85% các tuyến đường thôn, ngõ xóm được lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng công cộng.

- Trên 80% các tuyến đường chính khu trung tâm được trồng cây xanh, có hệ thống thoát nước và vỉa hè.

- 90% các khu dân cư mới được quy hoạch, đầu tư đồng bộ về hạ tầng và được quản lý theo quy hoạch.

- Xây dựng 02-03 tuyến phố đạt chuẩn tuyến phố văn minh đô thị.

- Kêu gọi đầu tư hình thành từ 01-02 dự án khu nhà ở thương mại.

III. Nhiệm vụ tiếp tục phát triển đô thị mới Thanh Hà trong giai đoạn đến 2025 và định hướng đến 2030

1. Nhiệm vụ phát triển các ngành, lĩnh vực

1.1. Nhiệm vụ phát triển các ngành kinh tế

Ưu tiên phát triển ngành nông nghiệp toàn diện theo hướng hữu cơ, sản xuất hàng hóa, chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao gắn với nâng cao chất lượng và tiêu thụ sản phẩm. Mở rộng vùng sản xuất tập trung rau sạch an toàn theo hướng VietGap ở Thành Trung, An Thành; nghiên cứu chuyển đổi một số diện tích lúa ở Thanh Hà sang trồng rau; tiếp tục đưa vào mô hình sản xuất rau sạch ứng dụng công nghệ cao, rau thủy canh nhằm tạo điểm nhấn gắn với xây dựng và quảng bá thương hiệu. Gắn phát triển nông nghiệp với phát triển du lịch, nhất là ở các vùng ven phá Tam Giang, vùng trồng rau. Chú trọng phát triển các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế cạnh tranh, giá trị kinh tế cao phục vụ đô thị và du lịch.

Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ - thương mại, tiểu thủ công nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, góp phần đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng dịch vụ - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng. Phát huy hiệu quả hoạt động công ty may Quảng Thành. Tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp.

1.1.1. Lĩnh vực dịch vụ, thương mại, du lịch

Tập trung xây dựng các điểm và vùng trung tâm thương mại - dịch vụ là một trong những yếu tố góp phần tạo động lực phát triển đô thị.

Lập quy hoạch chi tiết và kêu gọi đầu tư các dự án thương mại - dịch vụ.

Khai thác lợi thế về cảnh quan, sinh thái, văn hoá và lịch sử để phát triển du lịch thành ngành kinh tế quan trọng, hình thành khu trung tâm thương mại tại chợ Tây Ba, kêu gọi đầu tư xây dựng mạng lưới cơ sở nhà hàng, các điểm kinh doanh dịch vụ khu trung tâm theo quy hoạch đủ điều kiện đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của đô thị và khách du lịch.

Đầu tư nâng cấp, mở rộng chợ Tây Ba có quy mô tương đương chợ hạng 2, trở thành đầu mối về nông sản sạch, nhất là các sản phẩm rau sạch nhằm cung ứng cho thành phố Huế và các vùng phụ cận. Sắp xếp, chỉnh trang lại chợ Kim Đôi và Chợ Cầu Phú Lương A đảm bảo hợp lý.

Khai thác và phát huy thế mạnh các điểm di tích lịch sử (thành Hóa Châu, chùa Thành Trung), vùng sản xuất rau tập trung, vùng đầm phá, các làng nghề... để phát triển du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái.

Tập trung xây dựng nhãn hiệu các sản phẩm chủ lực của địa phương đã có chỗ đứng trên thị trường như: rau sạch, mì lát, các loại thủy hải sản.... để mở rộng thị trường tiêu thụ và góp phần thúc đẩy mở rộng sản xuất.

1.1.2. Lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn

Đầu tư xây dựng khu tiểu thủ công nghiệp để phục vụ di dời các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp vào sản xuất kinh doanh để các cơ sở tiểu thủ công nghiệp phát triển ổn định lâu dài, đảm bảo vệ sinh môi trường, góp phần chỉnh trang khu vực đô thị hiện hữu. Đồng thời đề ra các giải pháp để hỗ trợ các nhà

đầu tư vào hoạt động.

Tiếp tục đào tạo thợ có tay nghề cao theo phương thức vừa học vừa làm, mở rộng thị trường trong và ngoài tỉnh; xúc tiến việc đào tạo ngành nghề mới phù hợp với nhu cầu của xã hội.

Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ kinh doanh các ngành nghề không gây ô nhiễm môi trường trên các trục đường chính đô thị, kéo theo các ngành nghề dịch vụ kèm theo phát triển.

Ưu tiên hỗ trợ phát triển các ngành tiểu thủ công nghiệp sạch, các làng nghề có lợi thế cạnh tranh và sử dụng nguyên liệu, nhân công tại chỗ; các ngành nghề phục vụ nông nghiệp. Có chính sách hỗ trợ để phát triển các làng nghề hiện có (như: làng nghề sản xuất mì lát khô Kim Đồi, làng nghề mút gừng An Thành) tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất và phát triển, vươn ra thị trường ngoài tỉnh.

1.1.3. Lĩnh vực nông nghiệp

- Về trồng trọt: chỉ đạo điều hành khâu tưới tiêu, đẩy mạnh xã hội hóa công tác giống, đưa giống xác nhận vào sản xuất đạt tỷ lệ 100%. Tranh thủ các nguồn lực đầu tư tiếp tục xây dựng hệ thống thủy lợi, nâng cấp đê bao và các tuyến đường giao thông nội đồng để phục vụ sản xuất nông nghiệp. Lựa chọn, bổ sung các giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt gắn với việc tập huấn, chuyển giao khoa học - kỹ thuật cho nông dân. Khuyến khích đầu tư và hỗ trợ phát triển kinh tế gia trại, các mô hình trồng rau sạch an toàn.

Xây dựng, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất rau an toàn tại xã Quảng Thành và số địa bàn có tiềm năng.

- Về chăn nuôi: tập trung phát triển chăn nuôi gia đình, chú trọng phát triển các loại gia súc, gia cầm, cá hồ, trâu bò... theo mô hình hình gia trại, tạo tiền đề để xây dựng trang trại chăn nuôi; tạo điều kiện cho nhân dân và những người ngoài địa phương có điều kiện đến xây dựng các mô hình trang trại trên địa bàn xã. Tăng cường công tác kiểm tra tiêu độc, khử trùng, phòng dịch để bảo vệ đàn gia súc, gia cầm. Có kế hoạch di dời các cơ sở chăn nuôi hiện có ra khỏi khu dân cư, tiến tới không chăn nuôi trong khu đô thị trung tâm.

- Về nuôi trồng thủy sản: tập trung đầu tư hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản như Hệ thống điện phục vụ sản xuất vùng nuôi, hệ thống đê bao, cống lấy và thoát nước.

Tiến hành rà soát, quy hoạch lại các công trình kênh mương thủy lợi, mạng lưới giao thông nội đồng để phục vụ sản xuất nông nghiệp.

1.2. Nhiệm vụ phát triển lĩnh vực văn hóa - xã hội

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, sử dụng và phát huy có hiệu quả đội ngũ cán bộ quản lý. Chú trọng đào tạo nghề cho lực lượng lao động mới, nhất là lao động mới bổ sung hàng năm.

Thường xuyên quan tâm thực hiện đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất và năng lực, trình độ quản lý, chuyên môn đáp ứng nhiệm vụ ngày càng cao; có chính sách khuyến khích con em trên địa bàn có trình độ đại học, cao đẳng về lao động và công tác trên địa bàn xã. Đồng thời, có chính sách thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao vào làm việc trong các nhà máy, công ty, xí nghiệp đóng trên địa bàn để gia tăng nhanh dân số nhập cư, ổn định và làm ăn lâu dài tại đô thị Thanh Hà trong tương lai.

Đẩy mạnh công tác xã hội hoá về giáo dục, huy động nguồn lực trong xã hội để phát triển giáo dục. Duy trì và nâng cao chất lượng bán trú tại 2 trường mầm non và trường tiểu học số 2 Quảng Thành, quan tâm chế độ dinh dưỡng để hạ thấp tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng trên địa bàn. Từng bước xây dựng bán trú tại trường tiểu học số 1 Quảng Thành. Nghiên cứu xóa bỏ các điểm lẻ của các trường mầm non trên địa bàn xã. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng giáo dục xã, Hội khuyến học xã, trung tâm học tập cộng đồng; đẩy mạnh phong trào xây dựng xã hội học tập, “Cộng đồng học tập” cấp xã.

Tiếp tục thực hiện tốt các chương trình y tế cộng đồng, phòng chống dịch, các chương trình mục tiêu Quốc gia về y tế. Thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh BHYT cho nhân dân bao gồm khám chữa bệnh đông tây y kết hợp; phấn đấu giữ vững danh hiệu xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế và tiên tiến về y học cổ truyền.

Lĩnh vực lao động, thương binh, xã hội: tăng cường công tác phối hợp với Trung tâm dịch vụ việc làm, các doanh nghiệp xuất khẩu lao động để đẩy mạnh đưa người lao động trên địa bàn đi làm việc ở nước ngoài. Tiếp tục thực hiện đầy đủ, đảm bảo các chế độ liên quan cho những người có công với cách mạng. Đẩy mạnh thực hiện theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 68/NQ-CP của Chính phủ, Quyết định 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Triển khai thực hiện Nghị định 07/2021/NĐ-CP của Chính phủ về công tác điều tra, rà soát hộ nghèo giai đoạn 2021-2025 đảm bảo theo quy định.

Tăng cường công tác xã hội hóa về hoạt động xây dựng và phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn. Ưu tiên công tác quy hoạch quỹ đất dành cho việc xây dựng các công trình văn hóa, thể thao, như: sân bóng đá cỏ tự nhiên và nhân tạo, công viên, khu vui chơi trẻ em, bể bơi nhằm đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của nhân dân.

Đẩy mạnh tuyên truyền bằng nhiều hình thức, vận động cán bộ và nhân dân thực hiện tốt các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Hội nghị Trung ương 9 (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Đẩy mạnh nâng cao chất lượng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với phong trào xây dựng gia đình văn hóa, gia đình hiếu học, gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc.

2. Nhiệm vụ giải pháp xây dựng, phát triển hạ tầng đô thị

Tập trung xây dựng xã Quảng Thành đạt các tiêu chí đô thị loại V, trong đó ưu tiên ở khu vực trung tâm xã hiện tại nhằm tạo bộ mặt đô thị của xã. Tiếp tục duy trì và nâng cao các tiêu chí đã đạt; đồng thời xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể để triển khai thực hiện các tiêu chí chưa đạt, đạt thấp, nhất là các tiêu chí về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị, cụ thể:

2.1. Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch

- Rà soát, điều chỉnh Tổng thể Quy hoạch chung đô thị mới Thanh Hà.

- Lập mới Quy hoạch phân khu xây dựng đô thị mới Thanh Hà.
- Lập mới Quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã.
- Lập mới Quy chế quản lý đô thị.
- Cắm mốc lộ giới các tuyến đường trục chính trung tâm đô thị.
- Nghiên cứu hình thành bộ phận chuyên trách có chức năng quản lý trật tự xây dựng đô thị để hướng dẫn nhân dân và thực hiện công tác quản lý trật tự xây dựng tại địa bàn.

2.2. Giải phóng mặt bằng

Giải phóng mặt bằng các khu vực đã được quy hoạch để phát triển quỹ đất kết hợp với xây dựng và phát triển đô thị, trong đó ưu tiên các khu vực: Khôn, Thượng Thôn, khu vực phía sau chợ Tây Ba (định hướng hình thành khu phố chợ), khu vực đầu đường Tây Quảng Thành; di dời, giải tỏa các hộ dân khu vực phía trước chợ Tây Ba. Giải tỏa, di dời mồ mả nằm liền kề trong dân cư (Thanh Hà, Phú Lương A, Thành Trung); giải phóng mặt bằng, mở rộng tuyến đường liên xã (đoạn từ Thành Trung đến Quán Hòa).

2.3. Phát triển hạ tầng đô thị

2.3.1. Hạ tầng xã hội

- Hạ tầng lĩnh vực giáo dục: giữ nguyên các điểm trường như hiện nay (gồm: 02 trường mầm non, 02 trường tiểu học, 01 trường THCS). Điều chỉnh diện tích đất ở cơ sở chính Trường MN Phú Thanh tại Thanh Hà để xây dựng thêm phòng học nhằm xóa bỏ cơ sở lẽ của các trường Mầm non Phú Thanh, Kim Thành. Đối với Trường mầm non Kim Thành, quy hoạch mở rộng diện tích ở cơ sở chính tại thôn Thành Trung, xây dựng thêm phòng học để xóa bỏ cơ sở lẽ của trường tại thôn Kim Đồi. Tiếp tục đầu tư hoàn thiện các phòng học, các phòng hành chính quản trị, phòng giáo dục thể chất (bậc mầm non), xây dựng, nhà đa năng, bể bơi, phòng bộ môn đạt chuẩn (bậc Tiểu học, THCS) theo định hướng của ngành giáo dục.

- Hạ tầng lĩnh vực y tế: Đầu tư nâng cấp Trạm y tế xã có chất lượng cao, có khả năng điều trị tại chỗ, hướng đến hình thành bệnh viện đa khoa khu vực. Phát triển mạng lưới khám chữa bệnh và cung ứng thuốc rộng khắp, phân bổ đồng đều trong các khu dân cư tập trung, gắn với công tác quản lý nhà nước.

- Hạ tầng lĩnh vực văn hóa-thể thao: Đầu tư xây dựng đồng bộ, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa ở các nhà văn hóa (như: tủ sách, bàn ghế, dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời, sân bóng đá, bóng chuyền...).

- Hạ tầng lĩnh vực thương mại:

+ Đầu tư nâng cấp mở rộng chợ Tây Ba có quy mô tương đương chợ hạng 2 để đưa chợ Tây Ba trở thành đầu mối về nông sản sạch cung ứng cho thành phố Huế và các vùng phụ cận.

+ Xóa các chợ Phú Lương A, chợ Kim Đồi để chỉnh trang đô thị. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi và kêu gọi xã hội hóa để đầu tư hình thành các siêu thị mi-ni tại các khu vực trên.

- Công trình hạ tầng công cộng khác:

+ Đầu tư mới, cải tạo các khối nhà làm việc, chỉnh trang cảnh quan sân vườn khu hành chính-chính trị xã (gồm: trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND, UBMTTQVN xã, nhà văn hóa xã).

- + Đầu tư mới trụ sở công an xã (cạnh nhà văn hóa xã).
- Hạ tầng phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế:
- + Quy hoạch chi tiết, đầu tư hạ tầng (đường giao thông, san nền, điện, cấp thoát nước, ...) để hình thành khu sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tập trung của xã quy mô khoảng 5,0 ha tại vùng Thanh Hà để phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của các làng nghề trên địa bàn xã và kêu gọi các doanh nghiệp từ bên ngoài vào đầu tư nhằm nâng cao tỷ lệ lao động phi nông nghiệp.
- + Đầu tư hạ tầng phục vụ tại các vùng trồng rau tập trung thuộc các thôn để kết hợp sản xuất và du lịch trải nghiệm (điện sản xuất, đường nội bộ, ...)
- + Hoàn thiện hạ tầng Khu trải nghiệm làng nghề rau Quảng Thành (nhà xưởng sơ chế bảo quản, nhà trưng bày, các khu trải nghiệm, ...).

2.3.2. Hạ tầng kỹ thuật đô thị

a) Giao thông

- Giải phóng mặt bằng hai bên tuyến Tỉnh lộ 4 đoạn qua trung tâm xã để nâng cấp mở rộng với quy mô lộ giới theo quy hoạch (dài tuyến 0,8 km, đoạn từ cầu Tây Thành đến giáp xã Quảng An).
- Đầu tư mới tuyến đường Thọ - Thành nối trung tâm xã Quảng Thọ với trung tâm xã Quảng Thành.
- Nâng cấp mở rộng đường vành đai Tây Quảng Thành với lộ giới theo quy hoạch, chiều dài tuyến 1,6 km.
- Nâng cấp mở rộng đường Tây Thành - Quán Hòa với lộ giới theo quy hoạch, chiều dài tuyến 5,0km.
- Đầu tư mới tuyến đường từ trung tâm xã đi cầu Tam Giang để kết nối trung tâm của đô thị mới Thanh Hà với đô thị Thuận An, khai thác không gian ven phá và ven biển theo quy hoạch của tỉnh.
- Đầu tư xây dựng mới cầu Kim Đôi nối Hương Phong
- Nâng cấp mở rộng các tuyến nội thị (tổng chiều dài khoảng 9,0 km).
- Đầu tư xây dựng trạm quay đầu xe buýt và các điểm dừng đỗ trong phạm vi đô thị.
- Huy động nguồn lực hỗ trợ xây dựng 02-03 tuyến phố đạt chuẩn văn minh đô thị; nghiên cứu hình thành các tuyến đường hoa, cùng chủng loại cây xanh để tạo điểm nhấn trong đô thị.

b) Hạ tầng thoát nước, vệ sinh môi trường, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

- Đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại đối với các tuyến: Tỉnh lộ 4 đoạn qua trung tâm xã, đường vành đai Tây Quảng Thành, đường Tây Thành - Quán Hòa.
- Đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đối với các khu dân cư đô thị hình thành mới và các tuyến chính của các khu dân cư hiện hữu chính trang.
- Xây dựng hệ thống thoát nước đô thị, nạo vét các tuyến kênh thoát kết hợp chỉnh trang đô thị.
- Kêu gọi xã hội hóa trong công tác đầu tư để hình thành Khu nghĩa trang công viên kết hợp nhà hỏa táng.

c) Hạ tầng cấp nước, thoát nước, cấp điện, thông tin liên lạc

- Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mặt, nước thải cho đô thị đảm bảo

tiêu thoát úng trong vùng, nhất là ở khu vực trung tâm xã. Trong giai đoạn tính từ 31/12/2021 đến 2025, ưu tiên đầu tư hệ thống thoát nước tại các tuyến đường trung tâm xã, nhất là tuyến Tỉnh lộ 4 đoạn qua trung tâm xã, đường Tây Quảng Thành, các tuyến đường liên thôn, đường xóm có đủ điều kiện. Đồng thời, tiến hành nạo vét các tuyến kênh thoát kết hợp chỉnh trang đô thị.

- Cấp nước: mạng lưới đường ống cấp nước phủ kín địa bàn, nhất là các khu quy hoạch mới, đảm bảo cấp nước liên tục. Đảm bảo cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất.

- Cấp điện: phát triển lưới điện truyền tải và phân phối phải gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã, đảm bảo chất lượng điện và độ tin cậy cung cấp điện ngày càng được nâng cao.

- Điện chiếu sáng công cộng: sử dụng các loại đèn tiết kiệm năng lượng, phù hợp với kiến trúc cảnh quan môi trường.

- Thông tin liên lạc: mục tiêu là ngầm hóa hệ thống mạng cáp viễn thông đảm bảo cảnh quan đô thị và khu du lịch.

- Hoàn thiện hệ thống điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng phục vụ góp phần phát triển kinh tế-văn hóa-xã hội, đảm bảo 100% vùng phủ sóng internet không dây tại khu vực toàn xã.

- Hệ thống truyền dẫn thiết kế mạch vòng, đi ngầm theo các tuyến giao thông, kết hợp cung cấp các dịch vụ truyền hình cáp, internet băng thông rộng...

d) Công viên, cây xanh, chiếu sáng đô thị

- Đầu tư mới khu công viên cây xanh trung tâm xã để tạo cảnh quan và điểm xanh tại trung tâm xã, vừa phục vụ các hoạt động của cộng đồng.

- Từng nước trồng mới cây bóng mát dọc các trục chính, các trục đối ngoại, trục vành đai của đô thị theo lộ giới quy hoạch.

- Hình thành các điểm xanh ở các khu vực công cộng (nhà văn hóa, khu thể thao các thôn, ...), ở các khu dân cư mới, khu dân cư hiện hữu để tạo thêm nhiều điểm xanh cho đô thị.

- Nâng cấp cải tạo điện chiếu sáng các tuyến trục chính trung tâm xã, các tuyến liên thôn, trục thôn.

- Vận động nhân dân đầu tư lưới điện chiếu sáng các tuyến ngõ xóm.

2.3.3. Hạ tầng đô thị thông minh

- Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, đảm bảo sẵn sàng hạ tầng dùng chung trên cơ sở huy động nguồn lực có sẵn, đầu tư mới kết hợp với thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

- Triển khai hệ thống thiết bị cảm biến phủ toàn bộ khu vực trung tâm đô thị tạo nên nền tảng hạ tầng xã hội sẵn sàng cho việc ứng dụng và phát triển dịch vụ đô thị thông minh.

- Triển khai mô hình Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh đảm bảo thực hiện các chức năng điều hành, giám sát, tổng hợp trong các lĩnh vực an ninh, giao thông, giáo dục, du lịch, dịch vụ công và môi trường.

- Triển khai một số dịch vụ cơ bản về đô thị thông minh như: giám sát an toàn giao thông; trật tự an toàn xã hội; quy hoạch đô thị; hành chính công...

- Xây dựng hệ thống kết nối giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp, tạo lập các chính sách, môi trường và hệ thống ứng dụng cơ bản giúp

cho doanh nghiệp tiếp cận đến mô hình phát triển kinh tế số.

IV. Giải pháp thực hiện

1. Chỉ đạo, điều hành và tuyên truyền vận động

- Hàng năm, UBND huyện sẽ ban hành kế hoạch xây dựng và phát triển đô thị mới Thanh Hà. Trong đó, sẽ xác định cụ thể các nhiệm vụ trọng tâm và giao trách nhiệm cụ thể cho các ngành và xã Quảng Thành.

- Chỉ đạo xã Quảng Thành thực hiện tuyên truyền sâu rộng trong hệ thống chính trị từ xã đến thôn về nhiệm vụ xây dựng và phát triển đô thị Thanh Hà để từ đó tạo được sự đồng thuận và quyết tâm cao độ của toàn dân nhằm sớm hình thành thị trấn Thanh Hà theo kế hoạch của Trung ương và của tỉnh.

- Tích cực tuyên truyền, vận động và huy động sức dân, kêu gọi nguồn xã hội hóa có nguồn lực chính trang phát triển đô thị. Trong đó, ưu tiên kêu gọi xã hội hóa trên lĩnh vực đầu tư sản xuất kinh doanh để phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho nhân dân.

2. Giải pháp về quy hoạch, quản lý và thực hiện theo quy hoạch

- Triển khai thực hiện Quy hoạch chung đô thị mới Thanh Hà được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 30/3/2015.

- Triển khai lập các quy hoạch phân khu xây dựng, các quy hoạch chi tiết các khu chức năng đô thị, các điểm dân cư tập trung, các khu vực có khả năng phát triển cao để thuận lợi trong công tác quản lý và kêu gọi đầu tư.

- Ban hành quy chế quản lý theo quy hoạch, thực hiện công bố các quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt để nhân dân biết, thực hiện. Ban hành Quy chế quản lý kiến trúc, cảnh quan cho từng khu vực.

- Thực hiện cấm mốc lộ giới ngoài thực địa đối với các tuyến đường trục chính, các đường vành đai và các tuyến trong phạm vi nội thị để thuận lợi trong công tác quản lý.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện xây dựng theo quy hoạch đô thị trên địa bàn toàn xã.

- Nghiên cứu hình thành bộ phận chuyên trách có chức năng quản lý trật tự xây dựng đô thị để hướng dẫn nhân dân và thực hiện công tác quản lý trật tự xây dựng. Tăng cường lực lượng cán bộ có năng lực thực hiện công tác quản lý đô thị. Tạo điều kiện để đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên môn lĩnh vực quản lý đô thị.

3. Giải pháp huy động các nguồn lực

- Đối với nguồn TW, tỉnh quyết định đầu tư: Tích cực phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để công trình được triển khai thi công, sớm hoàn thành đưa vào sử dụng và phát huy hiệu quả, tạo động lực thúc đẩy các ngành nghề, lĩnh vực khác phát triển.

- Đối với nguồn TW, tỉnh hỗ trợ: xây dựng danh mục các công trình, dự án cần kêu gọi đầu tư trong giai đoạn từ 31/12/2021-2025 và giai đoạn tiếp theo. Trên cơ sở đó, phối hợp với các ban ngành cấp tỉnh để quảng bá giới thiệu, kêu gọi các nhà đầu tư. Tranh thủ tối đa sự hỗ trợ của tỉnh trong việc huy động các nguồn vốn từ các Đề án khác nhau để đẩy nhanh tiến độ đầu tư cơ sở hạ tầng.

- Có cơ chế hỗ trợ đối với phần kinh phí từ nguồn vượt thu ngân sách do đấu giá quyền sử dụng đất để hỗ trợ đầu tư trở lại trên địa bàn xã Quảng Thành.

- Đối với nguồn ngân sách huyện: xây dựng kế hoạch khai thác quỹ đất hợp lý để có nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Đẩy mạnh công tác thu ngân sách, quản lý chặt chẽ các nguồn thu.

- Đối với các nguồn vốn khác: kêu gọi xã hội hóa đầu tư trong việc đầu tư xây dựng các công trình: văn hóa, thể thao, giáo dục, tôn tạo di tích lịch sử- văn hóa. Vận dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư để thu hút vốn đầu tư bằng nhiều hình thức thích hợp.

- Kêu gọi sự tham gia của người dân trong việc đóng góp xây dựng các công trình: lát vỉa hè, trồng mới cây xanh, điện chiếu sáng các trục đường liên thôn, đường ngõ xóm, các thiết chế văn hóa-thể thao khu phố, đường giao thông nội thị, vệ sinh môi trường, tuyên phổ văn minh đô thị.

4. Giải pháp đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, khoa học công nghệ để phát triển toàn diện các ngành kinh tế

- Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để tăng cường phát triển tiểu thủ công nghiệp để tạo bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động xã hội. Vận động các cơ sở mở rộng quy mô sản xuất với nhiều hình thức sở hữu nhằm nâng cao năng lực tổ chức sản xuất, chất lượng và khả năng cạnh tranh trên thị trường, tạo dựng thương hiệu sản phẩm.

- Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện theo hướng nông nghiệp hữu cơ, công nghệ cao gắn với phát triển nông nghiệp đô thị. Tạo dựng mối quan hệ hợp tác với các trường đại học, các trung tâm nghiên cứu khoa học, nghiên cứu ứng dụng để đầu tư xây dựng các mô hình nông nghiệp công nghệ cao phù hợp với điều kiện của địa phương. Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công chức, cán bộ hợp tác xã, lực lượng công nhân trong các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, làng nghề để ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất.

5. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước và đội ngũ cán bộ công chức

- Thường xuyên chỉ đạo rà soát, củng cố, sắp xếp bộ máy chính quyền thị trấn Sịa phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ mới. Đẩy mạnh phương thức, lề lối làm việc, nâng cao năng lực thi hành công vụ, tinh thần trách nhiệm.

- Nâng cao năng lực ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ trong công tác quản lý, điều hành của đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là đội ngũ cán bộ tham mưu trên lĩnh vực xây dựng, quản lý và phát triển đô thị. Thực hiện mô hình “*đô thị thông minh*”, “*chính quyền điện tử*” để nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy.

6. Giải pháp đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội gắn với xây dựng đô thị thông minh

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ quân sự - quốc phòng. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc, lực lượng dự bị động viên đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Tiếp tục phối hợp triển khai thực hiện tốt cụm, tuyến an toàn làm chủ - sẵn sàng chiến đấu, xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện.

- Duy trì các mô hình tự quản về an ninh trật tự, xây dựng mới các mô hình tự quản về an ninh trật tự trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Xây dựng hệ thống camera giám sát giao thông, an ninh tại các khu vực trọng yếu trên địa bàn xã; đưa ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý xã hội, đặc biệt là phục vụ công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phụ lục:

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ ĐÔ THỊ MỚI THANH HÀ
ĐẾN 31/12/2021**

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng tính đến 31/12/2021	
		Tiêu chuẩn	Thang điểm	Tiêu chuẩn đạt	Điểm
			Tối đa-Tối thiểu		
I	Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội		20-15		18.25
1.1	Tiêu chuẩn vị trí, chức năng, vai trò		5,0-3,75		3.75
1.1.1	Là trung tâm hành chính hoặc trung tâm tổng hợp cấp huyện hoặc trung tâm chuyên ngành cấp huyện về kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.	Là trung tâm hành chính hoặc trung tâm tổng hợp cấp huyện hoặc trung tâm chuyên ngành cấp huyện về kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.	5.00	Là đô thị sinh thái, du lịch, dịch vụ của huyện Quảng Điền, là đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một cụm liên xã	3.75
	Là trung tâm chuyên ngành cấp huyện về kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một cụm liên xã	Là trung tâm chuyên ngành cấp huyện về kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một cụm liên xã	3.75		
1.2	Nhóm tiêu chuẩn cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội		15-11,25		14.50
1.2.1	Cân đối thu chi ngân sách	Dư	2.00	Đủ	1.50
		Đủ	1.5		
1.2.2	Thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước (lần)	≥	0.7 0.5	>	0.80 3.00
1.2.3	Chuyển dịch cơ cấu kinh tế	Tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông lâm thủy sản theo mục tiêu đề ra	3.00	Tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông lâm thủy sản theo mục tiêu đề ra	3.00
		Tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng hoặc tăng tỷ trọng dịch vụ, giảm tỷ trọng nông lâm thủy sản theo mục tiêu đề ra	2.25		

1.2.4	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất (%)	\geq	5.50	2.00		6.92	2.00
			5.00	1.50			
1.2.5	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	\leq	7.50	2.00		3.30	2.00
			10.00	1.50			
1.2.6	Tỷ lệ tăng dân số hàng năm (bao gồm tăng tự nhiên và tăng cơ học) (%)	\geq	1.20	3.00		1.21	3.00
			0.80	2.25			
II	Quy mô dân số			8,0-6,0			6.32
2.1	Dân số toàn đô thị (1000 người)	\geq	50.00	8.00		12,648	6.32
			4.00	6.00			
III	Mật độ dân số			6,0-4,5			4.5
3.1	Mật độ dân số toàn đô thị (người/km ²)	\geq	1200	1.50		1,172	1.00
			1000	1.00			
3.2	Mật độ dân số khu vực nội thành, nội thị tính trên diện tích đất xây dựng đô thị (người/km ²)	\geq	4000	4.5		3097	3.50
			3000	3.5			
IV	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp			6,0-4,5			6.00
4.1	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị (%)	\geq	65	6.00	$>$	72.63	6.00
			55	4.5			
V	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị			60-45			45.5
A	Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực nội thành, nội thị (Đô thị không có khu vực ngoại thành, ngoại thị nên đánh giá trên toàn đô thị)			48,0-36,0			33.5
a	Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội			10,0-7,5			7.50
5.1	Các tiêu chuẩn về nhà ở			2,0-1,5			2.00
5.1.1	Diện tích sàn nhà ở bình quân (m ² sàn/người)	\geq	29	1.00	$>$	29.57	1.00
			26.5	0.75			
5.1.2	Tỷ lệ nhà ở kiên cố, bán kiên cố (%)	\geq	90	1.00	$>$	96.10	1.00
			85	0.75			

5.2	Các tiêu chuẩn về công trình công cộng			8,0-6,0			5.50
5.2.1	Đất dân dụng (m ² /người) (nếu đạt trên tối đa thì được 1.00 điểm)	≥	78 61	1.00 0.75		190.73	1.00
5.2.2	Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị (m ² /người)	≥	3.5 3	1.00 0.75		4.38	1.00
5.2.3	Đất xây dựng công trình công cộng cấp đơn vị ở (m ² /người)	≥	1.5 1	1.00 0.75		1.34	0.75
5.2.4	Cơ sở y tế cấp đô thị (giường/1.000 dân)	≥	2.8 2.4	1.00 0.75		0.01	0.000
5.2.5	Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị (cơ sở)	≥	2 1	1.00 0.75		0	0.00
5.2.6	Công trình văn hóa cấp đô thị (công trình)	≥	2 1	1.00 0.75	>	2	1.00
5.2.7	Công trình thể dục, thể thao cấp đô thị (công trình)	≥	2 1	1.00 0.75	>	2	1.00
5.2.8	Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị (công trình)	≥	2 1	1.00 0.75		1	0.75
b	Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật			14,0-10,5			10.75
5.3	Các tiêu chuẩn về giao thông			6,0-4,5			2.75
5.3.1	Đầu mối giao thông (cảng biển, cảng hàng không, cảng đường thủy nội địa, ga đường sắt, bến xe ô tô) (cấp)		Vùng liên huyện Huyện	2.00 1.5		0	0.00
5.3.2	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng (%)	≥	16 11	1.00 0.75		19.23	1.00

5.3 .3	Mật độ đường giao thông (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy $\geq 7,5\text{m}$) (km/km^2)	\geq	8	1.00		0.13	0.00
			6	0.75			
5.3 .4	Diện tích đất giao thông tính trên dân số ($\text{m}^2/\text{người}$)	\geq	7	1.00		16.05	1.00
			5	0.75			
5.3 .5	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng (%)	\geq	2	1.00	>	1.00	0.75
			1	0.75			
5.4	Các tiêu chuẩn về cấp điện và chiếu sáng công cộng			3,0-2,25			3.00
5.4 .1	Cấp điện sinh hoạt ($\text{kwh}/\text{người}/\text{năm}$)	\geq	350	1.00	>	350.0	1.00
			250	0.75			
5.4 .2	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng (%)	>	90	1.00	>	90.4	1.00
			80	0.75			
5.4 .3	Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng (%)	\geq	70	1.00	>	95.72	1.00
			50	0.75			
5.5	Các tiêu chuẩn về cấp nước			3,0-2,25			3.00
5.5 .1	Cấp nước sinh hoạt ($\text{lít}/\text{người}/\text{ngày đêm}$)	\geq	100	1.00	>	100	1.00
			80	0.75			
5.5 .2	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh (%)	\geq	95	2.00	>	100	2.00
			80	1.5			
5.6	Các tiêu chuẩn về hệ thống viễn thông			2,0-1,5			2.00
5.6 .1	Số thuê bao internet (băng rộng cố định và băng rộng di động) (Số thuê bao internet/100 dân)	\geq	20	1.00	>	22	1.00
			15	0.75			
5.6 .2	Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số (%)	\geq	90	1.00		100	1.00
			85	0.75			

c	Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường			14,0-10,5			9.75
5.7	Các tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng			3,0-2,25			1.00
5.7.1	Mật độ đường cống thoát nước chính (km/km ²)	≥	3 2.5	2.00 1.5		0	0.00
5.7.2	Tỷ lệ các khu vực ngập úng có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng (%)	Đang triển khai thực hiện		1.00		Đang triển khai thực hiện	1.00
		Có giải pháp		0.75			
5.8	Các tiêu chuẩn về thu gom, xử lý nước thải, chất thải			5,0-3,75			4.75
5.8.1	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy (%)	≥	85 70	1.00 0.75	>	87	1.00
5.8.2	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật (%)	≥	15 10	1.00 0.75	>	10	0.75
5.8.3	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom (%)	≥	70 60	1.00 0.75		75	1.00
5.8.4	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác thải (%)	≥	65 60	1.00 0.75	>	70	1.00
5.8.5	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy (%)	≥	90 85	1.00 0.75	>	90	1.00
5.9	Các tiêu chuẩn về nhà tang lễ			2,0-1,5			0.00
5.9.1	Nhà tang lễ (cơ sở)	≥	1	1.00		Chưa có dự án	0.00
		Có dự án		0.75			
5.9.2	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng (%)	≥ 5		1.00		0	0.00
		Có chính sách khuyến khích		0.75			

5.1 0	Các tiêu chuẩn về cây xanh đô thị			4,0-3,0			4.00
5.1 0.1	Đất cây xanh toàn đô thị (m ² /người)	≥	7	2.00		10.10	2.00
			5	1.5			
5.1 0.2	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thành, nội thị (m ² /người)	≥	4	2.00		5.85	2.00
			3	1.5			
d	Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị			10,0-7,5			5.50
5.1 1.1	Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị (quy chế)	Đã có quy chế được ban hành tối thiểu 2 năm, thực hiện tốt quy chế		2.00		Chưa có quy chế	0.00
		Đã có quy chế		1.5			
5.1 1.2	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị tính trên tổng số trục phố chính (%)	≥	30	2.00		0	0.00
			20	1.5			
5.1 1.3	Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị (dự án)	Có dự án		2.00		Có dự án	2.00
		Có quy hoạch chung đô thị đã được phê duyệt		1.5			
5.1 1.4	Số lượng không gian công cộng của đô thị (khu)	≥	2	2.00		2	2.00
			1	1.5			
5.1 1.5	Công trình kiến trúc tiêu biểu (cấp)	Có công trình cấp quốc gia		2.00		Công trình di tích văn hóa lịch sử cấp tỉnh	1.50
		Có công trình cấp tỉnh		1.5			

B	Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực ngoại thành, ngoại thị: Địa bàn không có khu vực ngoại thành, ngoại thị nên đạt điểm tối đa	12-9,0			12.00
VI	Tổng cộng theo bảng điểm:				80.57